

1. Khái quát về quỹ bảo hiểm xã hội

1.1. Khái niệm bảo hiểm xã hội

BHXH là sự tổ chức bảo đảm bù đắp hoặc thay thế một phần thu nhập cho người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập từ nghề nghiệp do bị giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc sức lao động không được sử dụng, thông qua việc hình thành và sử dụng một quỹ tài chính do sự đóng góp của các bên tham gia BHXH và các nguồn thu hợp pháp khác, nhằm góp phần đảm bảo an toàn kinh tế cho người lao động và gia đình họ; đồng thời góp phần bảo đảm an toàn xã hội

1.2. Nguồn hình thành và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội

Nguồn hình thành quỹ bảo hiểm xã hội:

Quỹ bảo hiểm xã hội là quỹ tài chính tập trung, độc lập nằm ngoài ngân sách nhà nước

Quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành từ các nguồn chủ yếu sau đây:

- người lao động đóng góp
- người sử dụng đóng góp
- nhà nước bù thiếu
- các nguồn thu khác (từ các cá nhân, tổ chức từ thiện hay từ lãi vốn đầu tư nhân rồi khác)

Phần lớn các nước trên thế giới quỹ BHXH được hình thành chủ yếu từ các nguồn nêu trên, sở dĩ như vậy đó là vì các lí do sau:

Người lao động đóng góp 1 phần vào quỹ BHXH biểu hiện sự gánh chịu trực tiếp những rủi ro của chính mình, mặt khác nó có ý nghĩa ràng buộc nghĩa vụ và quyền lợi của họ 1 cách chặt chẽ

Người sử dụng lao động đóng góp 1 phần vào quỹ BHXH cho người lao động 1 mặt sẽ tránh được những thiệt hại to lớn như đình trệ lại sản xuất, đào tạo lại lao động khi có rủi ro xảy ra đối với người lao động, mặt khác nó giảm bớt sự căng thẳng trong mối quan hệ vốn chứa đựng đầy những mâu thuẫn giữa chủ và thợ

Nhà nước tham gia đóng góp 1 phần vào quỹ BHXH trên cương vị người quản lý xã hội về mọi mặt với mục đích ổn định xã hội. Do mối quan hệ giữa chủ với thợ chứa nhiều mâu thuẫn mà 2 bên không thể tự giải quyết được. Nhà nước buộc phải tham gia nhằm điều hòa mọi mâu thuẫn của 2 bên thông qua hệ thống pháp luật, chính sách. Không chỉ như vậy nhà nước còn hỗ trợ thêm vào quỹ BHXH giúp cho quỹ BHXH được hoạt động 1 cách ổn định.

-
Phương thức đóng góp quỹ bảo hiểm xã hội của người lao động và cả người sử dụng lao động hiện nay vẫn tồn tại theo 2 quan điểm sau:

Quan điểm thứ nhất: là phải căn cứ vào mức lương cá nhân và quỹ lương của cơ quan, doanh nghiệp

Quan điểm thứ hai: phải căn cứ vào thu nhập cơ bản của người lao động được cân đối chung trong toàn bộ nền kinh tế để xác định mức đóng góp vào BHXH

Mức đóng góp BHXH ở 1 số nước quy định người sử dụng lao động phải chịu toàn bộ chi phí cho chế độ tai nạn lao động, Chính phủ trả chi phí y tế và trợ cấp gia đình, các chế độ còn lại do cả người lao động và người sử dụng lao động đóng góp mỗi phần như nhau.

Một số nước khác lại quy định chính phủ bù thiếu cho quỹ BHXH hay chịu toàn bộ quỹ quản lý BHXH.

Mục đích sử dụng quỹ BHXH

Quỹ BHXH chủ yếu sử dụng cho 2 mục đích chủ yếu sau:

- chi phí vào trợ cấp cho các chế độ BHXH

- chi phí cho sự nghiệp quản lý BHXH ở các cấp các ngành

Theo công ước quốc tế Gior Ni Vơ số 102 tháng 6 năm 1952 BHXH gồm 1 hệ thống các chế độ sau:

1.1 Chăm sóc y tế

1.2, Trợ cấp ốm đau

1.3 Trợ cấp thất nghiệp

1.4.Trợ cấp tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp

1.5 Trợ cấp tuổi già

1.6. Trợ cấp gia đình

1.7. trợ cấp sinh đẻ

1.8 Trợ cấp khi tàn phế

1.9 Trợ cấp cho người còn sống

Quỹ BHXH được sử dụng để trợ cấp cho các chế độ bảo hiểm trên

Ngoài việc chi trả trợ cấp cho các chế độ BHXH nêu trên , quỹ BHXH còn được sử dụng để chi cho quản lí như :tiền lương cho cán bộ công nhân viên làm trong BHXH , Khấu hao TSCĐ, văn phòng phẩm và một số khoản chi khác.Phần vốn nhàn rỗi phải được đem đầu tư sinh lời nhằm bảo toàn và tăng trưởng nguồn quỹ .Quá trình đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc an toàn, có lợi nhuận , có khả năng thanh toán, và đảm bảo lợi ích kinh tế xã hội

1.3.Vai trò của quỹ BHXH trong hệ thống tài chính Quốc Gia

Thông thường, khi tham gia đóng BHXH, mọi người dân đều có ý thức muốn tạo cho bản thân một nguồn thu nhập để phòng ngừa những bất trắc, rủi ro xảy ra trong cuộc sống trên cơ sở nguyên tắc “có đóng có hưởng”. Trong mọi trường hợp không may gặp phải như đau ốm, thai sản, không còn khả năng lao động..., người lao động cần thiết phải có một nguồn thu nhập khác để thay thế, bù đắp khoản thu nhập đã bị suy giảm để duy trì và đảm bảo cuộc sống cho bản thân và gia đình họ. Sự phát triển của Quỹ BHXH là một nguồn lực tài chính vững chắc đảm bảo quyền được hưởng của người tham gia và đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, thể hiện qua các mặt sau:

Đảm bảo chi trả trợ cấp kịp thời và đầy đủ cho các đối tượng tham gia và thụ hưởng trợ cấp BHXH. Ngay từ ngày đầu thành lập, BHXH Việt Nam đã xác định nhiệm vụ chi trả đầy đủ, kịp thời, thuận tiện, đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi khám chữa bệnh cho người tham gia. Hoạt động này không những đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người tham gia, đảm bảo công bằng xã hội mà còn

đảm bảo lòng tin của người dân, từ đó tác động tích cực đến việc mở rộng đối tượng tham gia BHXH.

Trong 15 năm qua, toàn ngành mỗi tháng đã thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp hàng tháng cho trên 2 triệu người và hàng năm chi trả cho hàng triệu lượt người hưởng trợ cấp BHXH một lần (năm 2008 chi trả cho gần 400 ngàn người hưởng trợ cấp một lần và gần 3,5 triệu lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe). Số tiền chi trả chủ yếu bằng tiền mặt mỗi năm lên đến hàng chục ngàn tỷ đồng, năm 2008 chi hơn 44 ngàn tỷ đồng, trong đó từ nguồn ngân sách Nhà nước 23 ngàn tỷ đồng, từ nguồn Quỹ BHXH là 21 ngàn tỷ đồng; riêng năm 2009, ước khoảng 258,3 ngàn tỷ đồng.

Nhìn chung, trong thời gian qua và nhất là các năm gần đây công tác chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH đã đảm bảo thực hiện tốt, đầy đủ, chính xác, kịp thời không để xảy ra trường hợp bị chậm lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng, kể cả thời điểm có điều chỉnh tăng lương hưu. Hình thức chi trả ngày càng được cải tiến, hoàn thiện, mới nhất là áp dụng hình thức chi trả qua thẻ điện tử, đảm bảo thuận tiện nhất cho người tham gia BHXH khi được thụ hưởng quyền lợi.

Thực hiện đầu tư số vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ BHXH, cung cấp một nguồn vốn quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Một đặc điểm của Quỹ BHXH ở nước ta là quỹ được tồn tích qua nhiều năm và có tính chất phân phối chuyển dịch thu nhập mang tính xã hội giữa những người tham gia BHXH và qua các thế hệ. Vì vậy, quỹ sẽ có số dư tạm thời nhàn rỗi tương đối lớn trong khoảng thời gian dài. Đây là một nguồn vốn vô cùng quan trọng để hoạt động đầu tư nhằm bảo toàn, tăng trưởng quỹ, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Theo quy định của Luật BHXH, BHXH Việt Nam được phép đầu tư số tiền tạm thời nhàn rỗi của các quỹ theo các hình thức mua trái phiếu, tín phiếu, công trái của Nhà nước, của ngân hàng thương mại của Nhà nước; Cho ngân hàng thương mại của Nhà nước vay; Đầu tư vào các công trình kinh tế trọng điểm quốc gia; Các hình thức đầu tư khác do Chính phủ quy định.

Hàng năm, BHXH Việt Nam đã dành số tiền chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm để bổ sung nguồn vốn đầu tư trong năm. Tính đến hết năm 2008, quỹ BHXH đã thực hiện đầu tư đạt trên 83 ngàn tỷ đồng (trên 90% số tiền kết dư của quỹ), đầu tư theo đúng quy định, không để xảy ra rủi ro thất thoát. Nguồn vốn do BHXH Việt Nam đầu tư đã góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước trong việc bù đắp bội chi ngân sách cũng như trong việc tạo nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển kinh tế hàng năm của đất nước. Bên cạnh đó, việc cho các ngân hàng thương mại của Nhà nước vay cũng đã tạo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đất nước.

Có thể khẳng định vai trò hết sức quan trọng của Quỹ BHXH trong việc đảm bảo quyền được hưởng của người tham gia và đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội

của đất nước. Chính vì vậy, sự bảo tồn và phát triển của quỹ lại càng có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội. Ý thức được vấn đề này, BHXH Việt Nam luôn quan tâm đến công tác mở rộng đối tượng tham gia cũng như việc đảm bảo chi trả trợ cấp đầy đủ, kịp thời đến tay đối tượng thụ hưởng; đồng thời cũng hết sức chú trọng đến hiệu quả của hoạt động đầu tư tăng trưởng Quỹ BHXH./.

1.4. Quản lý quỹ BHXH

Mặc dù chương trình BHXH bắt buộc đối với người lao động được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới nhưng nội dung của BHXH và việc quản lý quỹ là khác nhau giữa các quốc gia vì nó tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế - xã hội và trình độ quản lý của từng nước. Điểm chung nhất là ở mọi quốc gia, Nhà nước tổ chức điều hành hoạt động của quỹ BHXH, có thể điều hành gián tiếp hoặc trực tiếp tùy theo chính sách của từng quốc gia.

ở hầu hết các nước đều có một cơ quan của chính phủ trung ương chịu trách nhiệm về chính sách BHXH. Thông thường đó là Bộ lao động và phúc lợi, Bộ lao động và xã hội... ở một số nơi BHXH nằm trong một bộ khác như Bộ Y tế, Bộ tài chính hay Bộ nội vụ. Rất hiếm khi người ta thành lập một bộ riêng về BHXH, cá biệt có nước lại thành lập Ủy ban BHXH của chính phủ hoặc do một vài bộ cùng chịu trách nhiệm quản lý quỹ BHXH được quản lý theo hai mô hình chủ yếu:

Nằm trong một bộ hoặc một vài bộ:

Trong trường hợp này một Ủy ban tư vấn được thành lập để giúp việc cho bộ (hoặc các bộ) có trách nhiệm quản lý.

Là một tổ chức độc lập được thành lập theo quy định của pháp luật.

Tổ chức độc lập này hình thành theo quy định của pháp luật để quản lý quỹ BHXH và mức độ độc lập của tổ chức này ở mỗi quốc gia có thể là khác nhau: có thể có bộ máy với cơ sở vật chất riêng của mình hoặc dựa một phần vào các cơ quan dịch vụ công cộng khác(nhờ bưu điện, ngân hàng làm dịch vụ thu, chi BHXH hộ) trụ sở thuê của Nhà nước; hoạt động độc lập hay chịu sự kiểm soát, hướng dẫn của Bộ Tài

chính. Nguyên tắc chung trong việc quản lý quỹ BHXH là cần chú trọng mục đích hoạt động BHXH: quỹ BHXH không lấy lợi nhuận làm mục tiêu đích hoạt động của mình. Việc huy động một quỹ tiền tệ nhân rộng lớn cũng không phải là mục đích thuần túy của nó. Quỹ này được thành lập dựa trên nguyên tắc đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động nhằm trợ giúp lẫn nhau trong lúc khó khăn để tránh gây sức ép căng thẳng bất lợi trong xã hội. Trong quá trình hoạt động quỹ BHXH phải thực hiện hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng giá trị quỹ BHXH, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHXH. Cơ quan quản lý quỹ BHXH có trách nhiệm chi trả trợ cấp BHXH đầy đủ, kịp thời, đúng chính sách, đúng đối tượng. Mức chi trả trợ cấp BHXH phụ thuộc chủ yếu vào mức thời gian đóng góp và những tiêu chuẩn cụ thể về những tín hiệu được phép trả BHXH theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý quỹ vừa đảm bảo chi trả đúng đối tượng, đúng chế độ, vừa phải tích cực thu BHXH: thu đúng, thu đủ đối với mọi đối tượng theo quy định. Nguyên tắc tài chính cơ bản của quỹ BHXH là chi phải cân bằng với thu. Nếu có tình trạng thâm hụt thì phải tính lại theo hai cách: điều chỉnh mức chi rồi tính tỷ lệ thu và ngược lại, định trước mức thu để điều chỉnh mức trợ cấp. Trên thực tế, mức đóng góp không dễ dàng gì thay đổi nên tốt hơn cả là nên tính mức đóng góp sao cho quỹ BHXH có một kết dư nhất định.

Xét trên giác độ tài chính, quản lý quỹ BHXH về bản chất là điều hành sự vận động độc lập tương đối với nhau: hoạt động thu bảo hiểm, hoạt động chi bảo hiểm và hoạt động bảo toàn và tăng trưởng vốn. Tương ứng với ba loại hoạt động này, sự vận động của tiền tệ trong quỹ BHXH có thể được phân luồng thành 3 loại quỹ tương ứng: quỹ thu BHXH, quỹ chi BHXH và quỹ quay vòng vốn.

Quỹ thu BHXH thể hiện các nguồn thu của BHXH và phụ thuộc vào cơ cấu các loại hình BHXH đang được tiến hành. Sự tồn tại quỹ quay vòng bảo toàn và phát triển vốn là đặc trưng cơ bản của hoạt động BHXH trong điều kiện kinh tế thị trường. Trên cơ sở tồn tại quỹ quay vòng bảo toàn và phát triển vốn, quỹ chi BHXH được hình thành từ hai nguồn khác nhau cơ bản là quỹ thu BHXH và quỹ quay vòng. Cần chú ý rằng, ở

đây chỉ phân tích 3 quỹ trên cơ sở sự vận động của các luồng tiền tệ trong quỹ BHXH để dễ dàng nhận thấy vai trò quan trọng của việc hình thành nguồn thu của quỹ từ lợi nhuận thu được của các khoản đầu tư tài chính,

chứ không có nghĩa là phân chia quỹ BHXH thành 3 quỹ riêng lẻ. Như vậy, quản lý quỹ BHXH thực chất là quản lý sự vận động của tiền tệ qua ba loại quỹ nói trên sao cho thu đúng, thu đủ của các đối tượng tham gia BHXH, chi trả trợ cấp BHXH đúng thời hạn, đúng chính sách và phải đảm bảo sự tồn tại và phát triển cho quỹ BHXH.

2. Hoạt động đầu tư quỹ BHXH VN.

2.1. Sự cần thiết phải đầu tư quỹ BHXH

Đầu tư nói chung được hiểu là sự huy động các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được các kết quả đó. Những kết quả đó có thể là sự tăng thêm các tài sản tài chính (tiền vốn), tài sản vật chất (nhà máy, đường xá...), tài sản trí tuệ (trình độ văn hoá, chuyên môn, khoa học kỹ thuật...) và nguồn nhân lực có đủ điều kiện để làm việc có năng suất trong nền sản xuất xã hội.

Trong những kết quả đã đạt được ở trên, những kết quả trực tiếp của sự huy động các nguồn lực là các tài sản vật chất, tài sản trí tuệ và nguồn lực tăng thêm có vai trò quan trọng trong mọi lúc, mọi nơi không chỉ đối với người bỏ vốn mà cả đối với toàn bộ nền kinh tế. Những kết quả này không chỉ người đầu tư mà cả nền kinh tế xã hội được thụ hưởng.

Mục tiêu của mọi công cuộc đầu tư là đạt được những kết quả lớn hơn so với những hy sinh mà người đầu tư phải gánh chịu khi tiến hành đầu tư.

Đối với từng cá nhân, đơn vị, đầu tư là điều kiện quyết định sự ra đời, tồn tại và tiếp tục phát triển mọi hoạt động sản xuất kinh doanh dịch

vụ. Đối với nền kinh tế, đầu tư là yếu tố quyết định sự phát triển nền sản xuất xã hội, là chìa khoá của sự tăng trưởng.

Đối với cơ quan BHXH Việt Nam, hoạt động đầu tư không những đảm bảo sự tồn tại, sự phát triển của quỹ BHXH mà còn đảm bảo cho cơ quan BHXH Việt Nam thực hiện đầy đủ, kịp thời trách nhiệm của mình với những người tham gia đóng góp BHXH, cũng như trách nhiệm đối với xã hội, vì mục tiêu an sinh xã hội.

Nhận thức được vai trò và vị trí quan trọng của sự tồn tại quỹ BHXH đối với nền kinh tế, ta càng thấy rõ sự quan trọng của hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH. Hầu hết mọi quỹ BHXH trên thế giới đều hình thành chủ yếu từ đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động và nhận được sự hỗ trợ từ phía chính phủ (có nghĩa là vẫn phụ thuộc vào Ngân sách Nhà nước) nhưng mức độ tùy thuộc lại phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Giá trị của quỹ BHXH càng lớn thì càng giảm bớt gánh nặng thu, chi cho Ngân sách Nhà nước.

Theo nhiều tài liệu nghiên cứu đã tổng kết, hầu hết các quỹ BHXH trên thế giới được tạo lập theo hai mô hình chủ yếu sau:

Theo mô hình thứ nhất, quỹ BHXH được tạo lập theo nguyên tắc tồn tích và có tính chuyển dịch thu nhập giữa mọi người tham gia BHXH và qua các thế hệ người lao động, mô hình này được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới.

Theo mô hình thứ hai, quỹ BHXH được tạo lập theo nguyên tắc “toạ thu- toạ chi”, có nghĩa là chi trên cơ sở số thu được, mô hình này chỉ có một số nước áp dụng như: Cộng Hoà Liên Bang Đức...

Do tính chất hoạt động của bảo hiểm là các biến cố rủi ro không đều về thời gian nên dù quỹ BHXH thiết kế theo mô hình nào thì trong

một khoảng thời gian nhất định vẫn có số dư tạm thời nhàn rỗi, nhất là quỹ tạo lập theo nguyên tắc tồn tích.

Như vậy, quỹ BHXH tại một thời điểm nào đó có thể có số tiền kết dư rất lớn, đây là cơ sở để hình thành quỹ quay vòng bảo toàn và phát triển giá trị quỹ BHXH. Điều này xảy ra do một người đóng BHXH tại thời điểm hôm nay, đóng thường xuyên liên

tục thì có thể một thời gian dài sau mới được nhận trợ cấp BHXH(đối với trường hợp người hưởng hưu trí), như vậy thời gian từ khi quỹ BHXH nhận được đóng góp của người lao động đó cho đến khi quỹ BHXH xuất tiền chi trả trợ cấp cho người đó, số tiền người đó đóng góp hàng năm thuộc quyền sử dụng của quỹ BHXH. Một nguyên nhân nữa là ở giai đoạn đầu hình thành quỹ BHXH, số người nhận trợ cấp thường thấp hơn số người tham gia đóng BHXH cùng thời điểm, tạo ra một lượng vốn dư thừa làm cơ sở để đầu tư bảo toàn và phát triển quỹ BHXH.

Nhưng quỹ BHXH cũng luôn đứng trước những rủi ro đe dọa đến sự an toàn của quỹ như đến lúc nào đó, quỹ BHXH có thể bội chi hoặc chịu ảnh hưởng do các cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội. Theo tính toán cụ thể của các nhà chuyên gia trong lĩnh vực BHXH, nếu các quỹ BHXH không chú trọng đến hoạt động đầu tư bảo toàn tăng trưởng giá trị quỹ(chú ý này không chỉ dành riêng cho quỹ BHXH mà còn dành cho mọi loại quỹ tiền tệ tập trung) thì không sớm muộn sẽ đứng trước tình trạng bội chi quỹ.

Hiện nay ở các nước phát triển, BHXH được xem như là một ngành dịch vụ độc lập và có vai trò là một trong những yếu tố đảm bảo cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững. BHXH tồn tại và phát triển trên cơ sở hạch toán kinh tế, tuân thủ theo các nguyên tắc kinh tế thị trường. Như trên đã đề cập đến, sự tồn tại của quỹ quay vòng bảo toàn và phát triển vốn cho BHXH là một đặc trưng cơ bản của hoạt động BHXH trong nền kinh tế thị trường, bởi lẽ trong nền kinh tế thị trường, các vấn đề như lạm phát, mất giá đồng tiền luôn là những nguy cơ làm giảm đi giá trị của đồng tiền nếu như đồng tiền đó luôn luôn được giữ trong két. Mặt khác, theo đúng bản chất của hoạt động bảo hiểm thì hoạt động bảo hiểm bao giờ cũng phải đảm bảo rằng những người mua bảo hiểm khi nhận trợ cấp bảo hiểm thì giá trị của trợ cấp bảo hiểm đó phải lớn hơn nhiều lần so với giá trị mua bảo hiểm. Do vậy hoạt động quay vòng vốn để bảo toàn và phát triển giá trị của quỹ BHXH là một yêu cầu khách quan, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của bản thân BHXH.

2.2.Nguồn vốn đầu tư quỹ

2.2.1. Nguồn gốc hình thành vốn nhàn rỗi của quỹ BHXH.

Trong bất kỳ xã hội nào, an toàn luôn là nhu cầu cần thiết trong cuộc sống của con người bởi vì không ai có thể lường hết được những bất trắc có thể xảy ra. Nhu cầu về an toàn của con người rất lớn và đa dạng như: muốn được an toàn về sinh mạng, muốn có cuộc sống yên ổn thanh bình, muốn được bảo đảm về đời sống KT- XH, nghĩa là được bảo vệ, chống lại sự đói nghèo, mất hoặc giảm thu nhập do thất nghiệp, ốm đau, tai nạn lao động, tuổi già...

Giống như các thành viên khác trong xã hội, người lao động cũng có nhu cầu được bảo vệ trước những rủi ro bất trắc, mà trước hết là những bất trắc xảy ra trong quá trình lao động. Những rủi ro này có thể làm cho họ mất khả năng lao động tạm thời hoặc vĩnh viễn, từ đó làm giảm hoặc mất thu nhập, ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân và gia đình họ đồng thời đe dọa sự ổn định của xã hội.

Để có thu nhập, duy trì sự ổn định cuộc sống của bản thân người lao động và gia đình họ, người ta huy động sự đóng góp của người lao động, người sử dụng lao động, sự tài trợ của nhà nước và của các nhà hảo tâm để thành lập nên quỹ BHXH. Về thực chất, quỹ BHXH là một quỹ tiền tệ tập trung được hình thành từ sự đóng góp chủ yếu của các bên tham gia BHXH, sử dụng để bù đắp hoặc thay thế thu nhập cho người lao động khi họ gặp phải những biến cố rủi ro làm giảm hoặc mất khả năng thanh toán từ thu nhập theo lao động nhằm đảm bảo mức sống cho người lao động và gia đình họ, góp phần vào sự ổn định và phát triển của nền KT- XH.

Trong các khoản đóng góp để hình thành nên quỹ BHXH thì khoản đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động là nguồn thu quan trọng nhất và được gọi là phí BHXH. Tùy theo các chế độ BHXH và cách thức tổ chức quỹ BHXH mà người ta phân ra các loại phí khác nhau. Theo cơ chế hoạt động của quỹ BHXH, có thể phân chia phí BHXH thành hai loại phí: phí ngắn hạn và phí dài hạn. Phí BHXH ngắn hạn là loại phí dùng để chi trả các chế độ BHXH ngắn hạn như trợ cấp ốm đau trợ cấp

thai sản, trợ cấp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Phí BHXH dài hạn là loại chi phí dùng để chi trả các chế độ BHXH dài hạn như hưu trí, tử tuất.

Dù là phí ngắn hạn hay dài hạn thì trong cơ cấu của phí BHXH đều có các thành phần:

- + Phí thuần túy
- + Phí quản lý
- + Phí dự phòng

Vì thời gian đóng phí BHXH và thời gian hưởng trợ cấp BHXH của người lao động không trùng nhau, mặt khác, tại một thời điểm số người hưởng trợ cấp BHXH luôn ít hơn số người tham gia BHXH, do đó trong quỹ thường xuyên tồn tại một lượng tiền tạm thời nhàn rỗi chưa được sử dụng đến. Người ta gọi số tiền chưa được sử dụng này là nguồn vốn nhàn rỗi của quỹ BHXH. Như vậy, nguồn vốn nhàn rỗi của quỹ BHXH là số tiền thu từ người lao động và người sử dụng lao động dùng để thanh toán chi trả các chế độ trợ cấp BHXH cho người lao động nhưng tạm thời chưa được sử dụng do chưa đến kỳ thanh toán. Và nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi này được đem đi đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH. Trong đó nguồn vốn được hình thành từ các khoản phí dài hạn có vai trò quan trọng hơn cả và là nguồn vốn đầu tư chính của hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời của quỹ BHXH, do kỳ thanh toán cho các chế độ đã đóng các khoản phí này thường là rất lâu và giá trị các khoản phí này cũng thường là rất lớn.

Đặc trưng của nguồn vốn nhàn rỗi của quỹ BHXH

- + Thứ nhất, vốn nhàn rỗi của quỹ BHXH không phải là vốn kinh doanh mà là khoản tiền dự trữ nhằm thực hiện trách nhiệm của BHXH với người lao động.
- + Thứ hai, quy mô vốn nhàn rỗi của quỹ BHXH phụ thuộc trước hết vào số người tham gia BHXH và thu nhập của họ. Số người tham gia BHXH càng đông, thu nhập của họ càng cao thì quy mô của quỹ càng lớn, từ đó làm cho nguồn vốn nhàn rỗi của quỹ càng dồi dào.

Thứ ba, tỷ trọng nguồn vốn nhàn rỗi trong tổng số thu vào quỹ BHXH phản ánh tình trạng tài chính của quỹ. Tỷ trọng này càng lớn thì càng thể hiện được tình trạng tài chính lành mạnh của quỹ.

+ Thứ ba, vốn nhàn rỗi của quỹ BHXH không phải đơn thuần chỉ là số chênh lệch thu chi BHXH trong một năm, mà là số vốn tích lũy được qua nhiều năm do chưa đến kỳ thực hiện trợ cấp cho người hưởng chế độ BHXH.

2.3. Các nguyên tắc đầu tư quỹ BHXH:

Quá trình đem số dư tạm thời nhàn rỗi của quỹ BHXH đầu tư sinh lời phải tuân thủ chặt chẽ những nguyên tắc về an toàn và hiệu quả để hạn chế tối đa rủi ro. Bên cạnh đó, xuất phát từ đặc điểm và mục đích hoạt động của quỹ BHXH, hoạt động đầu tư vốn nhàn rỗi còn phải đảm bảo nguyên tắc thanh khoản và lợi ích xã hội.

Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hoạt động đầu tư quỹ BHXH là an toàn (không chỉ bảo toàn được số vốn đầu tư mà còn phải giữ được giá trị thực sự của vốn), nhằm trước hết là bảo toàn được quỹ, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động về chi trả BHXH.

Nếu hoạt động đầu tư để xảy ra tình trạng không an toàn, gánh nặng sẽ đè lên vai Nhà nước và nguy hại hơn là dẫn đến sự mất ổn định về xã hội - chính trị, mất lòng tin của người dân.

Do hậu quả của việc mất quỹ BHXH là rất nghiêm trọng nên quỹ BHXH không được đầu tư vào lĩnh vực rủi ro cao, mạo hiểm lớn; không nên tập trung đầu tư vào một ít dự án hoặc công trình, mà nên phân tán đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau (cả trong nước và nước ngoài) để giảm thiểu rủi ro trong đầu tư. Ngoài ra, quỹ BHXH cần được Chính phủ ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực có lợi nhuận cao.

Nguyên tắc thứ hai khi đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH là khả năng sinh lời.

Nguyên tắc này rất quan trọng vì nếu đầu tư không sinh lời thì không thể thực hiện được mục tiêu tăng trưởng quỹ, và ảnh hưởng tới độ an toàn của quỹ cũng như khả năng chi trả trong tương lai. Để thực hiện được nguyên tắc này, cần thiết phải xác định được danh mục đầu tư, các lĩnh vực đầu tư chủ yếu. Đối với từng dự án đầu tư, phải đánh giá chính xác nhất hiệu quả kinh tế dựa trên một hệ thống các chỉ tiêu khoa học, từ đó mới có được quyết định đầu tư đúng đắn, mang lại lợi nhuận cao.

Nguyên tắc thứ ba là phải đảm bảo khả năng thanh toán thường xuyên . Quỹ BHXH luôn vận động không ngừng, đó là quá trình tạo lập và sử dụng quỹ để chi trả cho các đối tượng hưởng chế độ BHXH. Do vậy, đầu tư quỹ vào lĩnh vực nào, dưới hình thức nào cũng phải đảm bảo khả năng chuyển đổi các tài sản đầu tư thành tiền mặt để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ chi trả cho người lao động.

Nguyên tắc cuối cùng đó là việc đầu tư quỹ BHXH phải vì lợi ích xã hội. Quỹ BHXH được thành lập để hỗ trợ và giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ ổn định đời sống cho người lao động. Hoạt động của nó trước hết không phải là vì mục tiêu lợi nhuận mà là nhằm thực hiện các mục tiêu xã hội. Chính vì vậy hoạt động đầu tư vốn nhan rồi của quỹ BHXH cũng phải hướng tới các mục tiêu đó, nghĩ là nó phải nằm trong tổng thể và gắn liền với các chính sách chung của nhà nước về xã hội như dân số, môi trường, việc làm, cơ sở hạ tầng...

Những nguyên tắc trên đây do Tổ chức lao động quốc tế (ILO) đặt ra và được luật pháp về BHXH của nhiều quốc gia thừa nhận. Ở Việt Nam quy chế quản lý tài chính đối với BHXH Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 02/2003/QĐ-TTg ngày 02/01/2003 của Thủ tướng chính phủ quy định :”BHXH Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo tồn giá trị và tăng trưởng quỹ BHXH. Việc dùng tiền tạm thời nhàn rỗi của các quỹ bảo hiểm để đầu tư phải đảm bảo an toàn, bảo toàn được giá trị và có hiệu quả về KT-XH”.

2.4.Các hình thức đầu tư quỹ BHXH:

Bắt buộc phải đầu tư phần lớn vào trái phiếu chính phủ, tín phiếu của Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại của Nhà nước là lĩnh vực đầu tư hoàn toàn không rủi ro và có độ an toàn cao nhất trong các hình thức đầu tư.

Ngoài ra còn có các hình thức:

- Cho vay đối với Ngân sách Nhà nước, Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia, các Ngân hàng Thương mại của Nhà nước.
- Đầu tư vốn vào một số dự án và doanh nghiệp lớn của Nhà nước có nhu cầu về vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép và bảo trợ.
- Mở rộng đầu tư ra nước ngoài.

2.5. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư:

Công việc cuối cùng cần làm trước khi bắt đầu tiến hành đầu tư là xem xét hiệu quả của hoạt động đầu tư. Cũng giống như đối với các hoạt động đầu tư khác trong nền kinh tế thị trường, việc đánh giá đầu tư của quỹ BHXH được tiến hành trên 3 khía cạnh lớn: hiệu quả về tài chính, hiệu quả về KT-XH và mức độ rủi ro trong đầu tư.

2.5.1. Hiệu quả tài chính:

Hiệu quả tài chính của hoạt động đầu tư phản ánh trình độ sử dụng vốn đầu tư thông qua việc so sánh giữa thu nhập của nhà đầu tư với số vốn mà nhà đầu tư đã bỏ ra để đạt được mức thu nhập đó.

Để đánh giá hiệu quả tài chính của hoạt động đầu tư, người ta thường sử dụng chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận vốn đầu tư. Chỉ tiêu này phản ánh mức lợi nhuận bình quân năm tính trên một đồng vốn đầu tư, nói cách khác là một đồng vốn đầu tư hằng năm mang lại mang nhiều đồng lợi nhuận bình quân.

Công thức thường được dùng để tính tỷ suất lợi nhuận:

$$R = \frac{\Pi}{k} = \frac{B - (C + D)}{k} \quad (1)$$

Trong đó:

R: tỷ suất lợi nhuận vốn đầu tư

Π : lợi nhuận bình quân năm trong giai đoạn vận hành dự án đầu tư

k: tổng số vốn đầu tư cho dự án

B : tổng thu bình quân năm trong giai đoạn vận hành dự án đầu tư

C : tổng chi phí vận hành bình quân năm

D : khấu hao bình quân trong giai đoạn vận hành dự án đầu tư

Công thức (1) thường được sử dụng để xác định tỷ suất lợi nhuận của một dự án đầu tư trong quá khứ. Ngoài công thức này, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn vào một tài sản trong một giai đoạn bất kỳ, người ta có thể sử dụng công thức:

$$R_t = \frac{Dt + Pt - Pt-1}{Pt-1} \quad (2)$$

Trong đó:

R_t : lợi suất của tài sản đầu tư trong thời kỳ t

Dt : thu nhập từ hoạt động sử dụng tài sản trong thời kỳ t

P_t : giá bán của tài sản cuối kỳ t

P_{t-1} : giá bán của tài sản cuối kỳ $t-1$

Trong trường hợp quỹ BHXH đầu tư vào một danh mục gồm nhiều tài sản, dự án khác nhau thì lợi suất của cả danh mục (thiếu) được xác định theo công thức:

$$R_p = \frac{V_1 - V_0}{V_0} \quad (3)$$

Trong đó V_1 , V_0 lần lượt là giá trị đầu kỳ và cuối kỳ của danh mục đầu tư

Đối với hoạt động đầu tư trong tương lai, việc đánh giá hiệu quả đầu tư có phần phức tạp hơn bởi lẽ quỹ BHXH phải tính đến sự không chắc chắn của lợi suất. Chẳng hạn người ta không biết chắc chắn lợi suất vốn đầu tư trong tương lai sẽ là bao nhiêu, nhưng có thể dự kiến khả năng đạt lợi suất (thiếu). Khi đó người ta có thể tính được lợi suất kỳ vọng như sau:

$$E(R) = \sum_{i=1}^n (R_i P_i) \quad (4)$$

Trong đó:

$E(R)$: lợi suất kỳ vọng vốn đầu tư

R_i : các giá trị có thể có của lợi suất

P_i : xác suất xuất hiện giá trị (thiếu)

n : số giá trị có thể có của lợi suất

Đối với việc đầu tư theo danh mục thì người ta cũng xác định lợi suất kỳ vọng của danh mục căn cứ vào tỷ trọng của các khoản đầu tư trong tổng giá trị của danh mục và lợi suất kỳ vọng của từng khoản đầu tư đó. Theo cách này, giả sử quỹ BHXH

đầu tư vào một danh mục gồm m tài sản với các kỳ vọng tương ứng là X_j nhận các giá trị X_1, X_2, \dots, X_m thì lợi suất kỳ vọng của danh mục đầu tư này có thể xác định theo công thức:

$$E(R_p) = \sum_{j=1}^m X_j \times E(R_i) \quad (5)$$

Trong đó $E(R_p)$ là lợi suất kỳ vọng của danh mục đầu tư; $E(R_j)$ là lợi suất kỳ vọng của tài sản thứ j , được xác định theo công thức (4).

Lợi suất kỳ vọng đặc trưng cho giá trị trung bình của lợi suất. Nó là một chỉ tiêu rất quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của BHXH trong việc lựa chọn danh mục hoặc tài sản để đầu tư. Việc đầu tư vốn nhân rồi vào một danh mục hoặc tài sản nào đó phải đạt được lợi suất dự kiến, và BHXH chỉ có thể đầu tư vào những danh mục, tài sản nào cho hiệu suất sinh lời cao nhất trong điều kiện các yếu tố khác tương tự.

2.5.2. Hiệu quả kinh tế-xã hội:

Khác với hiệu quả tài chính, hiệu quả KT-XH không được xem xét trên quan điểm của nhà đầu tư mà phải xem xét trên quan điểm của xã hội. Theo quan điểm này thì hoạt động đầu tư được coi là có hiệu quả KT-XH khi lợi ích mà nó mang lại cho xã hội lớn hơn chi phí mà xã hội phải gánh chịu khi tiến hành hoạt động đầu tư đó.

Cũng do đứng trên quan điểm xã hội để xem xét, vì vậy hiệu quả KT-XH là một khái niệm tương đối trừu tượng, khó có thể lượng hóa được bằng những chỉ tiêu cụ thể. Thông thường, để đánh giá hiệu quả KT-XH của hoạt động đầu tư nào đó, người ta thường xem xét trên các khía cạnh:

- Sự phù hợp của danh mục đầu tư đối với mục tiêu chung của xã hội, mục tiêu phát triển kinh tế.
- Ảnh hưởng của việc đầu tư đến sự phát triển các lĩnh vực khác.
- Số công ăn việc làm được tạo ra do thực hiện dự án đầu tư.

Giống như bất kỳ hoạt động đầu tư nào khác, việc phân tích đánh giá hiệu quả KT-XH cần thiết phải được BHXH quan tâm chú trọng bởi trước hết hoạt động đầu tư vốn nhân rồi của quỹ BHXH là một bộ phận cấu thành trong chính sách vĩ mô

của nhà nước. Hơn nữa sự thể hiện hiệu quả KT-XH trong hoạt động đầu tư của quỹ BHXH sẽ có tác động tích cực đến quyết định của nhà nước trong việc chấp phép đầu tư cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư (thuế, phí, lệ phí, thủ tục hành chính...) góp phần củng cố vai trò Chính trị-XH của BHXH trong nền KTQD.

2.5.3. Rủi ro trong hoạt động đầu tư:

Rủi ro trong hoạt động đầu tư là chỉ cá biến cố bất lợi xảy ra trong quá trình đầu tư, đe dọa ảnh hưởng đến kết quả đầu tư theo chiều hướng xấu. Rủi ro là một đặc tính gắn liền với hoạt động đầu tư, do đó trong hoạt động đầu tư vốn nhân rủi, BHXH không thể không tính đến yếu tố rủi ro cũng như dự kiến các biện pháp để xử lý rủi ro một cách có hiệu quả, từ đó có quyết định đúng đắn trong việc lựa chọn danh mục đầu tư hoặc dự án đầu tư sao cho lợi suất đạt được gần với mức lợi suất bình quân (Lợi suất kỳ vọng).

Giả sử người ta tính được lợi suất bình quân của 1 dự án đầu tư là $R_{\bar{}}$ theo công thức:

$$R_{\bar{}} = \sum_{i=1}^n R_i \times P_i \quad (6)$$

Trong đó:

R_i : các giá trị có thể có của lợi suất

P_i : xác suất xuất hiện giá trị R_i

n : số giá trị có thể có của lợi suất

Khi đó để xác định được mức độ rủi ro về thu nhập của dự án đầu tư, người ta cần phải tính toán độ lệch chuẩn của lợi suất (σ) của dự án đó. Thực chất của chỉ tiêu này là mức độ phân tán bình quân của các giá trị R_i so với $R_{\bar{}}$. Công thức xác định độ lệch chuẩn của lợi suất dự án đầu tư:

$$\sigma(R) = \sqrt{\sum_{i=1}^n P_i \times (R_i - \bar{R})^2} \quad (7)$$

3. Thực trạng đầu tư tang trưởng Quỹ BHXH ở Việt Nam

Các quy định pháp lý về đầu tư từ quỹ BHXH

Quyết định về đầu tư quỹ BHXH luôn chịu sự chi phối của các quy định pháp lý về xác định nguồn vốn, nguyên tắc và tỷ lệ phân bổ vốn đầu tư. Để đi đến đánh giá cụ thể tình hình phân bổ vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư quỹ BHXH chúng ta sẽ kiểm tra một cách cụ thể hơn về các quy định pháp lý theo trình tự thời gian

Các quy định trước năm 2003

Nội dung của quy định

Nội dung chủ yếu của các quy định liên quan đến đầu tư quỹ BHXH trước năm 2003 theo quyết định số 20/1998/QĐ-TTg ngày 26/01/1998 của thủ tướng chính phủ là:

Thứ nhất: BHXH Việt Nam được sử dụng tiền thặng dư thời nhàn rỗi của quỹ BHXH để thực hiện các biện pháp bảo tồn giá trị và tang trưởng

Thứ hai: về nguyên tắc việc dùng quỹ BHXH để đầu tư phải đảm bảo an toàn hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất bảo toàn được giá trị và có hiệu quả kinh tế-xã hội

Thứ ba: các hình thức đầu tư bao gồm:

-Mua trái phiếu tín phiếu của kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại của Nhà nước

Cho vay đối với NSNN quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia , các ngân hàng thương mại của Nhà nước.

Đầu tư vốn vào một số dự án và doanh nghiệp lớn của Nhà nước có nhu cầu về vốn được thủ tướng chính phủ cho phép và bảo trợ

Những đánh giá về các quy định trước năm 2003

Ưu điểm:

Dự ra đời của các quy định trên đã bước đầu tạo ra khung pháp lý cơ bản cho hoạt động đầu tư quỹ BHXH nhằm mục đích bảo vệ lợi ích cho người được bảo hiểm

Danh mục đầu tư theo quy định chủ yếu là các tài sản tài chính phù hợp với được điểm vận động của các quỹ BHXH trong nền kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế

Giới hạn lãnh thổ đối với các lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam là hoàn toàn hợp lý để nâng cao vai trò tài trợ vốn của các trung gian tài chính cho nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn mà nhu cầu vốn cho sự phát triển kinh tế-xã hội đã trở thành bức xúc

Việc thể chế hóa các nguyên tắc đầu tư: an toàn, hạn chế rủi ro và có hiệu quả kinh tế-xã hội là hoàn toàn cần thiết và đúng đắn. Nguyên tắc này bắt buộc BHXH Việt Nam phải thực hiện đầu tư vốn với mức độ an toàn cao nhất đảm bảo lợi ích cho người được bảo hiểm

Hạn chế:

Những hạn chế cơ bản của các quy định trong chế độ ngày 01/1998 có thể được chỉ ra một số đặc điểm sau đây:

Các quy định về tổng thể là quá đơn giản chỉ có những quy định chi tiết cho việc đầu tư vốn với từng loại nguồn vốn từ quỹ BHXH. Bởi vì bản chất của nguồn vốn đây là ngắn hạn khác hẳn so với nguồn vốn đầu tư dài hạn về các quy định lượng và thời hạn.

Việc không quy định tỷ lệ đầu tư quỹ BHXH vào mỗi danh mục đầu tư đã gây khó khăn và tạo ra thể bị động cho ngành BHXH Việt Nam. Thời gian qua việc đầu tư quỹ BHXH chủ yếu theo sự chỉ định của thủ tướng Chính Phủ

Các quy định pháp lý chưa được thể hiện rõ nguyên tắc đa dạng hóa trong lĩnh vực đầu tư nhằm hạn chế và phân tán rủi ro. Một điều rất nguy hiểm nếu BHXH đầu tư toàn bộ tiền nhàn rỗi vào một danh mục đầu tư

+điều 17 trong QĐ 20/1998/QĐ-TTg ngày 26/01/1998 chưa đề cập đến khả năng thanh toán thường xuyên. Bởi vì việc đầu tư quỹ BHXH dưới hình thức nào vào lĩnh vực nào cũng phải đảm bảo khả năng chuyển đổi các tài sản đầu tư thành tiền để quỹ thực hiện nghĩa vụ chi trả cho người được bảo hiểm. Như vậy quỹ BHXH chỉ có thể đầu tư vào các tài sản tài chính mang tính lỏng cao và các tài sản có thu nhập ròng thường xuyên ổn định.

Kể từ năm 1995 khi BHXH ra đời cho đến trước năm 2003 số dư quỹ là một con số không nhỏ tuy nhiên chưa có một văn bản pháp lý nào quy định về sự ra đời của tổ chức hay bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện công tác đầu tư quỹ BHXH Việt Nam.

Tựu trung các quy định của quy chế tài chính BHXH Việt Nam ngày 26/01/1998 là những quy định sơ khai về đầu tư quỹ BHXH. Trong giai đoạn bùng nổ các dịch vụ đầu tư tài chính thì những quy định này cần được thay đổi.

Các quy định từ năm 2003

Các văn bản pháp lý mới được ban hành phục vụ cho hoạt động đầu tư quỹ BHXH là quyết định số 02/2003/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ ngày 02/01/2003 về quy chế quản lý tài chính đối với BHXH Việt Nam. Thông tư số 49/2003/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16/05/2003 hướng dẫn quy chế tài chính đối với BHXH Việt Nam. Chúng ta sẽ điểm những nội dung chủ yếu các quy định về đầu tư quỹ BHXH trước khi có những nhận xét về sự ảnh hưởng của nó trong tương lai đến quan điểm sử dụng nguồn vốn đầu tư từ quỹ BHXH

Nội dung cơ bản của các quy định

-Quan điểm về bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH là hoạt động BHXH Việt Nam sử dụng số tiền tạm thời nhàn rỗi để cho vay tham gia mua tín phiếu trái phiếu công trái Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại Nhà nước

-Hình thức đầu tư quỹ BHXH bao gồm

- + Mua trái phiếu tín phiếu kỳ phiếu công trái của kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại của Nhà nước
- + ưu tiên cho ngân sách nhà nước vay để giải quyết các nhu cầu cần thiết trong cả nước
- + cho vay đối với quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển các ngân hàng thương mại của Nhà nước Ngân hàng chính sách của Nhà nước
- + Đầu tư vào một số dự án có nhu cầu về vốn do Thủ tướng chính phủ quyết định

-Phân phối lãi từ hoạt động đầu tư quỹ BHXH

Tiền sinh lời do thực hiện các biện pháp đầu tư quỹ là toàn bộ số tiền phát sinh được sử dụng như sau

+Trích kinh phí để chi quản lý thường xuyên của hệ thống BHXH Việt Nam bằng 4% số thực thu BHXH và bảo hiểm y tế phần cho người sử dụng lao động và các đối tượng tham gia bảo hiểm đóng hàng năm.Mức trích 4% được áp dụng từ năm 2003-2005

+trích 2 quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 3 tháng lương thực tế bình quân toàn ngành

+trích vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của toàn bộ hệ thống BHXH Việt Nam theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

+phần còn lại được bổ sung vào quỹ BHXH để bảo toàn tang trường

* Những đánh giá về các quy định từ năm 2003

Các quy định về bảo toàn và tang trường quỹ BHXH mới chỉ ra đời cách đây không lâu nên việc đánh giá và sự ảnh hưởng đối với thực tế là không thể thực hiện .Do vậy những đánh giá dưới đây đưa ra các quan điểm có tính nhận định trên cơ sở khoa học và sự đòi hỏi của thực tiễn.

-Đánh giá về quan điểm bảo toàn tang trường quỹ BHXH

Theo quan điểm hiện nay của ngành BHXH Việt Nam cũng như của Bộ Tài Chính hoạt động bảo toàn và tang trường quỹ BHXH chỉ bó hẹp trong nội dung đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH hoạt động đầu tư quỹ BHXH.Theo chúng tôi với các hiệu như vậy là đúng nhưng chưa đủ bởi vì phải thừa nhận rằng hoạt động đầu tư quỹ BHXH là quan trọng nhất trong nội dung bảo toàn và tang trường nhưng nó chỉ có ý nghĩa thực tế khi đặt trong mối quan hệ mật thiết với các hoạt động thu và chi quỹ BHXH.Hoạt động thu BHXH là hoạt động tạo tiền đề-hoạt động tạo nguồn vốn đầu tư cho quỹ.Nếu hoạt động này không thực hiện tốt thì nguồn quỹ BHXH không đủ để chi trả các chế độ trợ cấp BHXH chứ chả nói tới nguồn vốn cho hoạt động đầu tư.Bên cạnh đó hoạt động chi quỹ BHXH nếu không được quản lý chặt chẽ có hiệu quả thì số dư quỹ BHXH hàng năm cũng không tồn tại để phục vụ cho hoạt động đầu tư quỹ.Vì vậy để hiểu đúng và đầy đủ quan điểm bảo toàn và tang trường quỹ BHXH thì nội dung của nó phải bao hàm cả 3 hoạt động là hoạt động

đầu tư quỹ BHXH hoạt động thu quỹ BHXH và hoạt động chi quỹ BHXH. Trong đó hoạt động đầu tư quỹ giữ vai trò chủ đạo và quan trọng nhất.

-Đánh giá về hình thức đầu tư quỹ BHXH

Ưu điểm nổi bật trong các quy định pháp lý về đầu tư quỹ BHXH hiện nay là việc chú trọng đầu tư vào các tài sản chính có độ an toàn cao như công trái trái phiếu chính phủ. Bên cạnh đó hoạt động coi trọng các hình thức cho vay đối với NSNN và các tổ chức tài chính của Nhà nước như quỹ hỗ trợ phát triển ngân hàng chính sách. Điều đó tạo điều kiện để BHXH Việt Nam phát huy được tính kinh tế và xã hội trong việc đầu tư quỹ. Tuy vậy nếu chỉ dừng lại ở các hoạt động như đã nêu trên có thể nói rằng hoạt động đầu tư quỹ quá đơn giản và nghèo nàn, phản ánh trình độ đầu tư quá thấp kém của BHXH Việt Nam đặc biệt trong điều kiện bùng nổ các dịch vụ đầu tư tài chính như hiện nay. Ngoài các lĩnh vực cho vay như quy định pháp lý hiện nay ở Việt Nam còn có thêm các lĩnh vực khác như đầu tư chứng khoán của các công ty do chính phủ bảo lãnh phát hành, trái khoán doanh nghiệp cho vay thế chấp bằng bất động sản tham gia mua cổ phần thường và ưu đãi tham gia đầu tư bất động sản. Nhìn chung các hoạt động đầu tư quỹ rất đa dạng mỗi một hoạt động đều có những lợi thế và bất lợi của nó song an toàn trong đầu tư quỹ BHXH vẫn là vấn đề được quan tâm hàng đầu.

Đánh giá sự chuẩn bị cho tổ chức đầu tư ra đời

Tính đến văn bản pháp lý mới nhất hiện hành thì không có một văn bản lý nào đề cập đến sự ra đời của tổ chức đầu tư. Mọi công tác vẫn doàn toàn đặt dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và tổng giám đốc BHXH. Ban kế hoạch chỉ là người thực hiện. Vì vậy người nắm vốn hết sức bị động trong việc thực hiện công tác đầu tư. Đồng thời thì Ban kế hoạch tài chính lại không được giúp bố trí đủ độ ngũ nhân viên có kinh nghiệm trong hoạt động này nên chưa thể dự đoán trước được sự biến động của thị trường. Do vậy trong năm 2002 lợi suất thực của đồng vốn chỉ là 2.9% thậm chí cá biệt có những năm lợi suất thực tế âm như năm 1998 là -0.1%.

Tóm lại các quy định pháp lý cũ và mới đều có đặc điểm chung là mang tính thừa kế tương đối cụ thể luật pháp của các nước trên thế giới. Song chưa có sự nghiên cứu để vận dụng một cách tối ưu nhất vào điều kiện Việt Nam để thực sự bảo vệ quyền lợi cho người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sử dụng quỹ BHXH được an toàn. Tuy nhiên trong điều kiện BHXH mới tách ra khỏi NSNN

một thời gian ngắn thì những hạn chế của các quy định pháp lý là không thể tránh khỏi.

1. Thực trạng hoạt động đầu tư quỹ BHXH.

2.1. Thực trạng

Hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH được thực hiện bắt đầu từ năm 1995, lúc đầu chỉ là cho vay đối với NSNN theo chỉ định của Chính phủ. Về sau mở rộng ra cho vay đối với các ngân hàng thương mại Nhà nước, mua kỳ phiếu, trái phiếu và tham gia đấu thầu trái phiếu Kho bạc Nhà nước.

Quỹ BHXH thực sự hình thành độc lập với NSNN từ cuối năm 1995. Khi đó, số dư của quỹ BHXH được gửi trong tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương.

Sang năm 1996, do nhu cầu về vốn để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, NSNN đã vay quỹ BHXH với thời gian vay là không thời hạn, lãi suất 0.3%/tháng. Lãi suất này được điều chỉnh lên 0.45%/tháng vào năm 1999 nhưng lại trở về mức 0,3%/tháng vào cuối năm 1999 và vẫn duy trì mức lãi suất này trong những năm gần đây.

Năm tài chính 1997, quỹ BHXH bắt đầu thực hiện cho vay đối với các ngân hàng thương mại của Nhà nước (ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng công thương) và thực hiện cho vay theo kế hoạch tín dụng của Chính phủ (cho vay đối với ngân hàng đầu tư phát triển và quỹ hỗ trợ phát triển).

Từ năm 1997 trở đi, BHXH Việt Nam thực hiện đầy đủ kế hoạch tín dụng mà Chính phủ giao chỉ tiêu hàng năm cho quỹ BHXH, tạo nguồn vốn đáng kể cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Ngoài ra quỹ còn tham gia mua công trái xây dựng Tổ quốc, các đợt mua trái phiếu, kỳ phiếu của các ngân hàng thương mại Nhà nước, tham gia đấu thầu trái phiếu Kho bạc.

Tính đến hết năm 2004, quỹ BHXH đã đầu tư để mua trái phiếu Chính phủ, công trái, cho NSNN và hệ thống các ngân hàng vay trên 40.500 tỷ đồng, chiếm khoảng 96% số dư quỹ. lãi đầu tư thu được là 8880 tỷ đồng. BHXH Việt Nam đã đầu tư theo đúng mục, lĩnh vực được quy định, đảm bảo an toàn, không xảy ra thất thoát, rủi ro, cung cấp nguồn vốn lớn cho hoạt động đầu tư của đất nước, góp phần thúc đẩy kinh tế- xã hội của đất nước ngày càng phát triển bền vững.

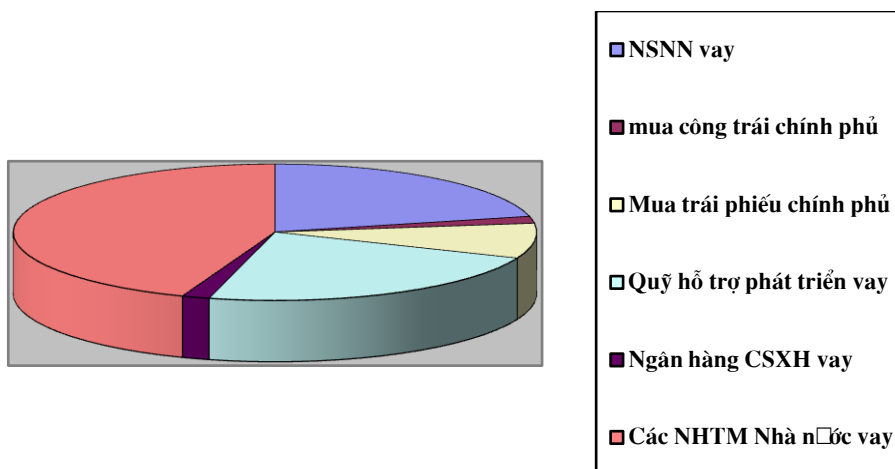
Theo tài liệu mới nhất, sau đây là các danh mục đầu tư hiện tại của hoạt động đầu tư vốn nhàn rỗi của BHXH.

- ☐ Mua trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu, công trái của Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại của Nhà nước.
- ☐ Cho vay đối với Ngân sách Nhà nước, Quỹ Hỗ trợ phát triển, các Ngân hàng thương mại của Nhà nước, Ngân hàng chính sách của Nhà nước.

- ☐ Tài trợ đầu tư (tính đến 31/12/2004)

Cho NSNN vay	21.3%
Mua công trái Chính phủ	1.64%
Mua trái phiếu Chính phủ	8.30%
Cho Quỹ Hỗ trợ phát triển vay	22.8%
Cho ngân hàng chính sách xã hội vay	1.70%
Cho các ngân hàng thương mại vay	44.26%

Biểu đồ 5: Cơ cấu đầu tư vốn nhàn rỗi của BHXH Việt Nam



Trong khi đó theo nguồn báo cáo quyết toán từ năm 1995 đến năm 2000 của BHHH Việt Nam thì các khoản đầu tư quỹ BHHH tính đến hết ngày 31/12/2000 thể hiện cụ thể là:

Biểu số liệu 4: Danh mục đầu tư quỹ BHHH thời kỳ 1995-2000

TT	Đơn vị vay tiền	Số tiền	Tỷ lệ(%)
1	Ngân sách nhà nước	2.078.636	13.27%
2	Quỹ hỗ trợ phát triển	6.200.000	39.58%
3	Hệ thống ngân hàng ĐTP	2.700.000	17.24%
4	Hệ thống NHNN VN	1.500.000	9.58%
5	Hệ thống NHCông thương	1.280.000	8.17%
6	NH phát triển nhà ĐBSCL	100.000	0.64%
7	Ngân hàng ngoại thương VN	100.000	0.64%
8	Mua công trái xây dựng TQ	700.000	4.47%
9	Trái phiếu kho bạc	1.004.306	6.41%
	Tổng	15.662.942	

Trong đó, cho vay đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam là cho vay theo chỉ định của Chính phủ, nằm trong kế hoạch tín dụng hàng năm mà Chính phủ giao cho BHHH Việt Nam. Như vậy, ta thấy xu hướng đầu tư quỹ

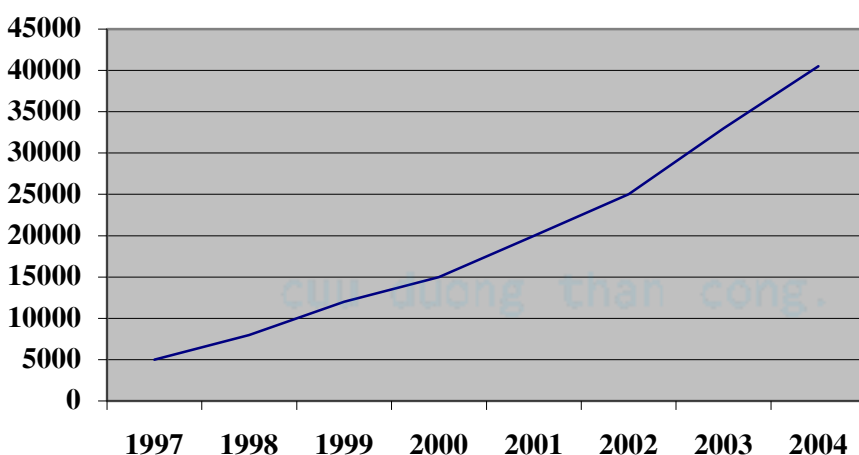
BHXXH trong 10 năm qua có xu hướng thay đổi, ban đầu khi mới hoạt động đầu tư, quỹ BHXXH cho vay đối với Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển và Ngân hàng là nhiều nhất, đó là sự cho vay theo chỉ định của Chính phủ (thời kỳ 1995-2000) . Thời kỳ sau, quỹ BHXXH đã chủ động hơn trong việc đầu tư quỹ, bởi vậy mà tỷ trọng đầu tư vào quỹ hỗ trợ phát triển đang từ con số 39,85% vào cuối năm 2000 xuống con số 22,8% vào cuối năm 2004. Tỷ trọng cho vay đối với các ngân hàng thương mại vào cuối năm 2004 là lớn nhất đạt 44,26%. Điều này thật dễ hiểu, khi được chủ động thực hiện hoạt động đầu tư BHXXH Việt Nam chủ yếu cho các ngân hàng thương mại vay bởi vì lãi suất cho vay ở các ngân hàng thương mại vẫn là cao nhất đạt khoảng 0,9%/năm. Với sự chủ động tích cực này, hiệu quả đầu tư quỹ chắc chắn sẽ cao lên.

Tuy nhiên, nhìn vào danh mục đầu tư quỹ BHXXH ta có thể nhận thấy là các lĩnh vực đầu tư của BHXXH Việt Nam thời gian qua đã tuân theo Chính phủ một cách nghiêm chỉnh đến mức mà ta có thể cảm nhận được sự đơn điệu trong hoạt động đầu tư vốn nhàn rỗi của quỹ, mới chỉ chủ yếu đầu tư gián tiếp thông qua việc cho vay và mua công trái, trái phiếu, tín phiếu kho bạc. Việc đầu tư trực tiếp vào các công trình dự án hay các doanh nghiệp chưa được BHXXH Việt Nam thực hiện do chưa tìm được đối tác. Nhìn chung hoạt động đầu tư quỹ còn mang tính bị động, theo sự chỉ đạo của Nhà nước, bên cạnh đó tính mới mẻ và phức tạp của hoạt động đầu tư vốn nhàn rỗi cũng là một nguyên nhân đáng kể. Nếu chúng ta tạo ra được môi trường đầu tư tốt và hành lang pháp lý thông thoáng thì chắc chắn hoạt động đầu tư quỹ BHXXH ở nước ta sẽ gặt hái được nhiều kết quả mong đợi hơn nữa.

Ta có biểu đồ đầu tư tài chính quỹ BHXXH từ năm 1997 đến hết năm 2004 như sau:

Biểu đồ 6: Biểu đồ đầu tư tài chính quỹ BHXH

đơn vị: tỷ VND



Qua biểu đồ trên, một lần nữa khẳng định hoạt động đầu tư càng ngày càng được chú trọng. Là hoạt động không thể thiếu được trong việc bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH. Số tiền để thực hiện đầu tư năm sau luôn luôn cao hơn năm trước, điều này càng khẳng định sự tăng trưởng quỹ BHXH trong những năm gần đây là rất cao.

Hiệu quả hoạt động đầu tư quỹ BHXH Việt Nam.

Trong những năm qua, hầu hết nguồn vốn nhân rồi của BHXH Việt Nam được sử dụng để cho Nhà nước vay vì vậy khả năng thu hồi vốn là rất chắc chắn. Phần vốn còn lại, do được sử dụng để cho vay theo sự chỉ định của Chính Phủ nên khả năng thu hồi vốn cũng luôn luôn được đảm bảo. Như vậy chúng ta có thể khẳng định rằng mức độ rủi ro của hoạt động đầu tư quỹ BHXH Việt Nam thời gian qua là thấp, hoạt động

đầu tư vốn nhàn rỗi của BHXH Việt Nam đã thoả mãn được yêu cầu đặt đảm bảo an toàn mà Chính phủ đặt ra.

Mặt khác chúng ta có thể thấy rằng mục đích huy động vốn của các tổ chức tài chính-tín dụng kể trên (Bộ tài chính, Quỹ hỗ trợ phát triển, Ngân hàng chính sách...) là để đầu tư vào các chương trình dự án lớn của quốc gia, hoặc để hỗ trợ đầu tư cho các thành phần kinh tế. Do vậy, xét trên tầm vĩ mô thì các khoản cho vay của BHXH Việt Nam đều có khả năng mang lại những hiệu quả kinh tế xã hội to lớn. Vì thế, để đánh giá hoạt động đầu tư vốn nhàn rỗi mang lại, tôi nghĩ rằng việc quan trọng là phân tích hiệu quả tài chính của hoạt động đầu tư thông qua xem xét lợi nhuận mà các khoản đầu tư vốn nhàn rỗi của BHXH Việt Nam mang lại hàng năm.

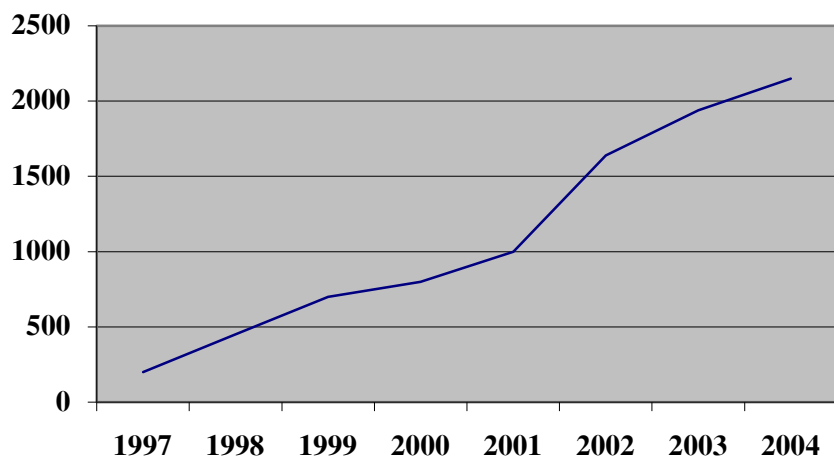
Tính đến cuối năm 2004, lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư quỹ BHXH là 8.880 tỷ đồng, lãi suất đầu tư bình quân năm khoảng 6% đến 7%/năm.

Lợi nhuận đầu tư quỹ BHXH được thể hiện thông qua biểu đồ sau:

Biểu 6 : Lợi nhuận đầu tư từ hoạt động tài chính quỹ BHXH
(từ năm 1997 đến năm 2004)

năm	Lợi nhuận đầu tư (tỷ đồng)	Lãi xuất BQ năm(%)	năm sau so với năm
1997	209,8	8,15%	-----
1998	472,6	8,17%	+0,02%
1999	665,7	7,35%	- 0,82%
2000	824,2	6,27%	- 1,08%
2001	983,7	4,08%	- 2,19%

Biểu đồ 7: Biểu đồ Lãi đầu tư tài chính quỹ BHXH



Qua biểu đồ lãi đầu tư tài chính quỹ BHXH trên ta thấy, mặc dù hoạt động đầu tư quỹ BHXH Việt Nam đến nay tuy còn hạn hẹp ở danh mục đầu tư nhưng hoạt động đầu tư ngày càng có hiệu quả cao. Lợi nhuận đầu tư thu được qua các năm có mức tăng đáng kể. Năm 1997 lợi nhuận đầu tư thu được còn rất khiêm tốn mới chỉ đạt con số là 209,80 tỷ đồng, nhưng đến năm 2004, con số này đã tăng hơn 10 lần đạt giá trị 2.147 tỷ đồng.

Nếu so sánh lãi suất đầu tư bình quân năm của BHXH Việt Nam, ta cũng thấy rằng tỷ suất này chưa thể coi là cao nếu đem so sánh với hiệu suất sinh lời chung của nền kinh tế. Và nếu so sánh lãi suất đầu tư bình quân qua các năm của BHXH Việt Nam, ta cũng có thể thấy trong thời kỳ này, ngoại trừ năm 1998 có lãi suất bình quân năm tăng thêm 0,02% so với năm 1997, năm 2002 tăng 2,17% so với năm 2001 và năm 2004 có mức lãi suất bình quân năm tăng vọt so với năm 2003 và đạt mức 8,22% là

mức cao nhất từ năm 1997 trở lại đây, còn lại lãi suất bình quân các năm đều giảm dần với mức độ ngày càng lớn: năm 1999 giảm

0,82%, năm 2000 giảm 1,08%, năm 2001 giảm 1,47%, năm 2003 giảm 0,85%. Như vậy lãi suất bình quân qua các năm có mức tăng giảm không đều, kết quả này tùy thuộc vào điều kiện khách quan của môi trường đầu tư và sự chủ quan của kế hoạch đầu tư do BHXH Việt Nam đặt ra. Tất cả những con số này đều nói lên một điều rằng hiệu quả hoạt động đầu tư bảo toàn và tăng trưởng quỹ của BHXH Việt Nam tuy đạt được mục tiêu an toàn do Chính phủ đặt ra nhưng vẫn còn chưa cao.

Ngoài ra, để đánh giá hiệu suất sinh lời thực tế của vốn đầu tư, chúng ta cũng không thể không xem xét đến yếu tố lạm phát. Nếu hiệu suất sinh lời của các khoản đầu tư vốn nhàn rỗi trong một thời kỳ cao hơn tỷ lệ lạm phát của kỳ đó thì chứng tỏ hoạt động đầu tư quỹ BHXH đã

đạt được sự tăng trưởng thực của quỹ. Trong trường hợp ngược lại, chúng ta có thể khẳng định rằng hoạt động đầu tư không đáp ứng được yêu cầu tối thiểu của hoạt động đầu tư quỹ là bảo toàn giá trị của quỹ BHXH.

năm	Lãi xuất BQ năm(%)	Tỷ lệ lạm phát (%)	Lãi suất thực (%)
1997	8,15%	3,7%	4,45%
1998	8,17%	9,2%	1,03%
1999	7,35%	0,1%	7,45%
2000	6,27%	-0,6%	6,87%
2001	4,08%	-0,8%	4,48%

Tỷ lệ lạm phát trong những năm qua rất thất thường. Năm 1997 lúc đầu là 3,7%, sau đó tăng lên 9,2% vào năm 1998, rồi đột ngột giảm xuống 0,1% vào năm 1999. Tỷ lệ

lạm phát trong 2 năm 2000-2001 lại ở mức dưới 0% (năm 2000 lạm phát $-0,6\%$, năm 2001 lạm phát $-0,8\%$).

Diễn biến thất thường của tỷ lệ lạm phát đã dẫn đến tình trạng tỷ suất sinh lời thực tế hàng năm của các khoản đầu tư quỹ BHXH không ổn định. Do vậy tùy thuộc tình trạng giảm phát hay lạm phát hàng năm mà hiệu suất sinh lời thực tế của hoạt động đầu tư quỹ BHXH Việt Nam có mức tăng trưởng dương hoặc âm. Điều này đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động đầu tư vốn nhân rồi của BHXH Việt Nam như chúng ta đã xem xét.

1. Tình hình đầu tư nguồn vốn nhân rồi của quỹ BHXH giai đoạn 2008 – 2009

	Năm 2008	Năm 2009
Nguồn vốn còn tồn đọng	Gần 84000 tỉ đồng	95163 tỉ đồng
Cho ngân sách nhà nước	8500 tỉ đồng	20000 tỉ đồng
vay		
Mua trái phiếu chính phủ	22500 tỉ đồng	28500 tỉ đồng
Mua công trái giáo dục	200 tỉ đồng	200 tỉ đồng
Cho các NHTM của nhà nước vay	52773 tỉ đồng	46463 tỉ đồng
Tiền lãi thu từ đầu tư	9000 tỉ đồng	8400 tỉ đồng
Tỷ lệ lãi trên vốn	11,76%	9,10%

Nhận xét: hoạt động đầu tư của quỹ BHXH là an toàn và có thể thu hồi khi cần thiết. Tuy nhiên, đầu tư vẫn chưa hiệu quả (cụ thể, tỷ lãi trên vốn của năm 2009 giảm so với năm 2008, từ 11,76% xuống còn 9,10%).

3. Đánh giá hoạt động đầu tư quỹ BHXH ở Việt Nam trong thời gian qua.

Hoạt động đầu tư vốn nhân rồi là một mặt quan trọng của quỹ BHXH. Tuy nhiên ở Việt Nam, hoạt động này còn tương đối mới mẻ, vì vậy hiệu quả của hoạt động đầu tư vốn nhân rồi của BHXH Việt Nam chưa thể đạt được như mong muốn của các nhà quản lý quỹ BHXH. Do đó, đánh giá về hiệu quả hoạt động đầu tư vốn nhân rồi của BHXH Việt Nam cần xem xét các khía cạnh sau đây:

3.1. Những thành tựu đạt được trong hoạt động đầu tư quỹ.

Hoạt động đầu tư nguồn vốn nhân rồi của quỹ BHXH tuy chưa đạt được kết quả như mong muốn của các nhà quản lý quỹ nhưng cũng đã thu được những thành tựu nhất định.

Một là: Hoạt động đầu tư nguồn vốn nhân rồi của BHXH Việt Nam đã tạo ra sự vận động không ngừng của nguồn lực xã hội thông qua quỹ BHXH. Với tư cách là một kênh cung ứng vốn quan trọng, quỹ BHXH đã tài trợ cho nền kinh tế một lượng vốn đầu tư không nhỏ, góp phần tăng trưởng kinh tế, giúp cho nền kinh tế nước ta tự chủ hơn trong điều kiện nguồn nội lực còn hạn hẹp.

Hai là: Các danh mục đầu tư của quỹ BHXH Việt Nam có ý nghĩa Chính trị-Xã hội rất to lớn. Vào những thời điểm Nhà nước cần có vốn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu chung, việc BHXH Việt Nam bỏ ra hàng trăm tỷ đồng để cho Ngân sách Nhà nước vay thông qua việc mua công trái, trái phiếu, tín phiếu Kho bạc Nhà nước... đã thoả mãn kịp thời một bộ phận nhu cầu vốn quan trọng của Nhà nước.

Ba là: Lợi nhuận mang lại từ hoạt động đầu tư vốn nhân rồi của BHXH Việt Nam mặc dù với tỷ suất chưa cao song cũng đã phần nào làm tăng thêm tiềm lực tài chính của quỹ BHXH, giúp BHXH Việt Nam phát triển được quy mô của quỹ, đồng thời củng cố được vị thế của mình trong hệ thống tài chính của quốc gia.

Hoạt động đầu tư có vai trò quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung là vậy, và trong bất cứ một lĩnh vực nào muốn tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ thì không thể thiếu được hoạt động đầu tư. Từ khi ra đời, phát triển và hình thành hoạt động đầu tư vốn nhân rồi cho đến nay, BHXH Việt Nam đã thu được những thành tích nhất định như chúng ta đã xem xét bên trên. Có thể là chưa được như mong đợi của các nhà quản lý. Tuy nhiên, phần nào đó những kết quả này cũng đã minh chứng cho sự nhạy bén, năng động và tích cực của BHXH Việt Nam trong việc bảo tồn và tăng trưởng quỹ BHXH. Hoạt động đầu tư số tiền tạm thời nhân rồi của quỹ BHXH để bảo toàn và tăng trưởng giá trị quỹ là cơ sở vững chắc cho sự tồn tại và phát triển quỹ BHXH, để quỹ luôn có khả năng chi trả BHXH cho đối tượng hưởng BHXH kịp thời và đầy đủ, thực hiện tốt chính sách BHXH, phục vụ tốt người lao động theo đúng chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Bốn là: Quá trình thực hiện đầu tư vốn nhân rồi tuy chưa phải là dài nhưng cũng đã đủ cung cấp cho các nhà quản lý đầu tư của BHXH Việt Nam những kinh nghiệm quý báu trong hoạt động quản lý đầu tư. Những kinh nghiệm này sẽ giúp cho đội ngũ cán bộ phụ trách đầu tư của BHXH Việt Nam trưởng thành nhanh chóng, đáp ứng được yêu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư của quỹ trong tương lai.

3.2. Những tồn tại trong hoạt động đầu tư quỹ BHXH Việt Nam

a. Tồn tại.

Hoạt động đầu tư vốn nhân rồi của quỹ BHXH trong những năm qua, bên cạnh những thành tích đạt được còn khiếm tốn là những khó khăn, tồn tại còn quá nhiều. Phải chăng đó là sự kết hợp giữa một hình thức hoạt động còn tương đối mới mẻ với sự khát khe về hành lang pháp lý trong một môi trường kinh tế mới chỉ là đang phát triển. Những tồn tại trong hoạt động đầu tư quỹ rất nhiều, nhưng có thể nói đến hai tồn tại lớn, đó là những nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ đến kết quả của hoạt động đầu tư quỹ.

□ Về chính sách.

Theo quy định hiện hành(quyết định 20/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) thì quỹ BHXH chỉ được phép đầu tư trong 03 lĩnh vực hoạt động là:

+ Mua trái phiếu của Chính phủ, tín phiếu kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại của Nhà nước.

+ Cho vay đối với các Ngân sách Nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển, các ngân hàng thương mại của Nhà nước.

+ Đầu tư vốn vào một số dự án và doanh nghiệp lớn của Nhà nước có nhu cầu về vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép và bảo trợ.

Trong quy định có ghi “ cho vay đối với các Ngân hàng thương mại của Nhà nước”, điều đó có nghĩa là BHXH Việt Nam chỉ được phép cho vay đối với 04 hệ thống Ngân hàng thương mại của Nhà nước là

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng ngoại thương Việt Nam. Quỹ BHXH Việt Nam không thực hiện cho vay đối với bất cứ một ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh hay một ngân hàng nước ngoài nào khác, dù ta thấy rõ ràng một điều rằng trong một khoảng thời gian nào đó lãi suất đi vay của các ngân hàng này cao hơn lãi suất đi vay của các Ngân hàng Thương mại của Nhà nước.

Quỹ BHXH cho Ngân sách nhà nước vay thường là cho vay không thời hạn mà lãi suất hiện nay rất thấp. chênh lệch rất lớn so với lãi suất đi vay của các ngân hàng thương mại và lãi suất trên thị trường. Hàng năm, quỹ BHXH phải dành ra một số tiền nhàn rỗi tương đối lớn để cho vay theo chỉ định của Chính phủ(như cho quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Đầu tư phát triển vay để thực hiện các dự án kinh tế – xã hội). Thời hạn cho vay là rất dài, thấp nhất là 5 năm mà quỹ BHXH chỉ được hưởng lãi suất cố định do Chính phủ quy định trong suốt thời gian cho vay, chỉ được điều chỉnh theo quyết định của Chính phủ. Điều này cũng gây ảnh hưởng đến hiệu quả

hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH cũng như khiến cho việc điều hành nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của quỹ BHXH trở nên kém linh hoạt.

Ngoài ra, thị trường chứng khoán, thị trường kinh doanh bất động sản... ở Việt Nam chưa thực sự phát triển, đang ở giai đoạn sơ khai và còn gặp nhiều rào cản nên cũng làm hạn chế việc mở rộng hướng dẫn đầu tư tài chính của quỹ BHXH, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH Việt Nam trong tương lai.

Như vậy, việc đầu tư vốn còn quá bó hẹp trong một số lĩnh vực hạn chế, chưa có chiến lược đầu tư nguồn vốn nhàn rỗi một cách hợp lý. vẫn chỉ dừng lại ở việc gửi tiền, cho vay và mua trái phiếu, chưa có sự thâm nhập vào những lĩnh vực kinh tế quan trọng như sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, du lịch...

☐ Về hoạt động.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam là một tổ chức mới đi vào hoạt động gần 10 năm, hơn nữa hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH ở Việt Nam đang còn là hoạt động mới mẻ nên không tránh khỏi nhiều hạn chế khi thực hiện.

Công tác đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH được thực hiện tại BHXH Việt Nam vẫn còn thụ động trong xử lý công việc, chưa mạnh dạn trong việc nghiên cứu và đề xuất các phương án đầu tư tài chính nhằm làm tăng hiệu quả hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH.

BHXH Việt Nam chưa thực hiện được việc đầu tư vào một số dự án và doanh nghiệp lớn của Nhà nước có nhu cầu về vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép và bảo trợ mà chỉ chủ yếu thực hiện các hình thức đầu tư qua các tổ chức tài chính, ngân hàng của Nhà nước, có thể nói hoàn toàn không có rủi ro. Còn một vấn đề tồn tại nữa cần nhìn nhận là BHXH Việt Nam còn thiếu đội ngũ cán bộ có đủ năng lực để thẩm định các dự án đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh...

☐ Về cơ chế quản lý.

Trước hết nói về cơ chế quản lý chính sách, thực chất mọi hoạt động đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH đều do Chính phủ quy định. BHXH Việt Nam không được chủ động trong việc thực hiện các hoạt động này. Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam phải xin phép ý kiến của Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam, cũng như phải được sự phê duyệt của Chính phủ về các hình thức đầu tư mới, mặc dù các hình thức đó đã được ghi rõ trong quy định. Vì vậy cần phân cấp việc ra quyết định đối với hoạt động Tỷ lệ sinh lời từ hoạt động đầu tư của quỹ BHXH còn thấp, thậm chí có năm còn thấp hơn tỉ lệ lạm phát.

Kết quả kiểm toán từ cơ quan Kiểm toán Nhà nước vào tháng 7-2009 cho thấy, số tiền tạm thời nhàn rỗi của quỹ này lên tới 70.000 tỷ đồng. Ở thời điểm kiểm tra, BHXH Việt Nam chưa xây dựng phương án đầu tư cho số tiền nhàn rỗi này. Trong thực tế, kể cả khi xây dựng phương án đầu tư thì hầu hết số tiền này đang được gửi ngân hàng với lãi suất không kỳ hạn, thuộc loại lãi suất thấp nhất.

Báo cáo từ cơ quan kiểm toán cũng kết luận, việc điều hành các khoản tiền gửi này còn phân tán, lãng phí, các hợp đồng cho vay được ký kết với nhiều điều khoản bất lợi, không đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư theo nguyên tắc thị trường. Cụ thể, Kết luận của Thanh tra Chính phủ được tổng hợp từ chương trình thanh tra toàn diện trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội từ năm 2005 đến hết năm 2009 từ cấp huyện tới cấp tỉnh và trung ương. Thanh tra Chính phủ kết luận, việc cho vay vốn có một số vi phạm như ký hợp đồng thiếu chặt chẽ về thời gian vay và trả nợ dẫn đến tình trạng trả nợ trước hạn khi lãi suất cơ bản giảm, cho vay với lãi suất thấp hơn lãi suất do ngân hàng Nhà nước công bố... làm giảm lãi vay gần 105 tỉ đồng. Thực sự hợp đồng cho vay trước đây rất sơ sài nên mới xảy ra tình trạng này. Nhưng có những cái phải giải thích cụ thể hơn, ví dụ năm 2009 có hợp đồng đang cho vay 8% khi gia hạn hợp đồng thì lãi suất lại thấp hơn, nhưng thanh tra cho rằng đang từ lãi suất cao chuyển sang lãi suất giảm là vi phạm.

Thặng dư quỹ khá cao nhưng chưa được sử dụng tối đa cho mục đích sinh lời dẫn đến bất cập trong sử dụng nguồn vốn. Cụ thể, nếu năm 2009 nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của quỹ là 70000 tỉ đồng thì đến năm 2011 đã tăng lên đến 100000 tỉ đồng nhưng BHXH Việt Nam chưa có kế hoạch để đầu tư nguồn vốn nhàn rỗi này vào các công trình trọng điểm quốc gia, chưa có phương án đầu tư cụ thể.

3. Giải pháp khắc phục

Tăng hiệu quả đầu tư bằng cách cho phép quỹ BHXH đầu tư vào nơi có tỉ suất lợi nhuận cao, đầu tư vào dự án kinh doanh, liên doanh góp vốn với chính sách khuyến khích, ưu đãi về thuế, vừa đảm bảo độ an toàn, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhân rồi từ quỹ.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam có thể ký hợp đồng với ngân hàng Nhà nước là đầu tư tự động để có lãi suất cao hơn. Ví dụ như bảo hiểm xã hội cố định khoản tiền dưới 200 tỉ đồng trong tài khoản thì là gửi không kỳ hạn nhưng trên số đó thì chuyển sang đầu tư để có lãi suất cao hơn. Số tiền đó là số chủ động để cơ quan bảo hiểm xã hội chi tiêu thường xuyên.

Thành lập phòng quản lý đầu tư quỹ. Phòng này chủ yếu xem xét các ngân hàng, ngân hàng nào có hiệu quả để cho vay. Phòng đầu tư này cũng nắm được khả năng vốn nhân rồi bao nhiêu để lên danh sách cho vay, đôn đốc thu hồi nợ.

Thực tế thì càng đầu tư hiệu quả cao thì càng rủi ro mà quỹ bảo hiểm xã hội lại không được phép rủi ro. Vì vậy, hội đồng quản lý quỹ có thể quyết định đầu tư vào các công trình trọng điểm quốc gia với phương án đầu tư cụ thể, rõ ràng, trong đó nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp chỉ từ 10% - 15% để hạn chế rủi ro và đảm bảo hiệu quả đầu tư (theo kinh nghiệm quản lý quỹ BHXH ở các nước

Cho phép gửi tiền không kỳ hạn với những khoản chi cố định như lương hưu và một số khoản chi khác, còn thừa thì cho vay. Lãi suất cho vay là lãi suất lấy từ bốn ngân hàng thương mại lớn để tránh hiện tượng cho vay với lãi suất thấp.

Giải pháp tăng hiệu quả đầu tư quỹ BHXH

Để hoạt động đầu tư quỹ BHXH đạt hiệu quả, nhằm bảo toàn, tăng trưởng quỹ, đảm bảo sự an toàn và có đủ nguồn lực tài chính đáp ứng kịp thời yêu cầu chi trả các chế độ BHXH cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế- xã hội của đất nước, cần nghiên cứu, xem xét để bổ sung, hoàn thiện về cơ chế, chính sách đối với hoạt động đầu tư quỹ BHXH.

1. Tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đầu tư quỹ BHXH.

Cần phải có quy định pháp lý cụ thể hơn về quá trình thực hiện đầu tư quỹ BHXH như:

- Lĩnh vực đầu tư: trong đó quy định tỷ lệ đầu tư vào từng lĩnh vực

- Hình thức đầu tư: thông qua các tổ chức tài chính, tiền tệ của Nhà nước hay đầu tư trực tiếp; tỷ lệ đầu tư theo từng hình thức.
- Thời hạn đầu tư và lãi suất tối thiểu khi đầu tư vào từng lĩnh vực, từng hình thức và từng dự án.
- Quy trình xây dựng, thẩm định, quyết định phương án(hoặc dự án) đầu tư và quản lý đầu tư.

2. Phân bổ tỷ lệ quỹ BHXH nhân rồi để đầu tư.

Theo kiến nghị của Ngân hàng thế giới thì chỉ nên sử dụng khoảng 80% quỹ BHXH nhân rồi để đầu tư vào lĩnh vực đầu tư an toàn mà chủ yếu là đầu tư thông qua các tổ chức tài chính, tiền tệ của Nhà nước (cho Ngân sách Nhà nước vay, mua trái phiếu, kỳ phiếu của Nhà nước, của các tổ chức tài chính, ngân hàng Nhà nước phát hành...). Sử dụng không quá 20% quỹ BHXH nhân rồi để đầu tư vào các lĩnh vực khác có khả năng thu được lợi nhuận cao hơn nhưng cũng có nhiều rủi ro hơn. Chẳng hạn như đầu tư kinh doanh bất động sản, tham gia thị trường chứng khoán, trực tiếp đầu tư vào các dự án sản xuất kinh doanh(hoặc góp vốn kinh doanh), đầu tư hoạt động thuê mua tài chính. Bởi vì thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán,... mặc dù đã hoạt động nhưng tính ổn định còn chưa cao, quy mô nhỏ và hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả còn chưa cao.

3. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích và ưu đãi đối với hoạt động đầu tư quỹ BHXH như chính sách ưu đãi về thuế.

Ưu tiên 1 số lĩnh vực, dự án đầu tư bằng quỹ BHXH mà ở đó vốn đầu tư bảo đảm an toàn, ít có rủi ro, mang lại hiệu quả cao về xã hội và bảo toàn, tăng trưởng được vốn. Chẳng hạn như: đầu tư xây dựng nhà ở bán trả chậm cho dân cư (đặc biệt là những người có thu nhập thấp), dự án sản xuất, cung cấp điện, nước sinh hoạt cho các khu dân cư (kể cả thành thị và nông thôn); đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có thu phí sử dụng như: cầu, đường giao thông, các công trình về y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội và một số dự án mang tính chiến lược của quốc gia.

4. Cần tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát tài chính đối với quỹ BHXH nhằm đảm bảo hoạt động của quỹ an toàn, tiết kiệm và có hiệu quả kinh tế-xã hội cao.

Để đảm bảo yêu cầu an toàn tài chính cần phải tăng cường công tác phân tích dự báo tài chính, đặc biệt chú trọng đến công tác tính toán dự báo quỹ BHXH làm cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của BHXH.

5. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư quỹ.

Đa dạng hóa các hình thức đầu tư quỹ BHXH có thể tăng lợi nhuận mà vẫn đảm bảo an toàn cho quỹ. Mặt khác cùng với việc hội nhập thì có thể đầu tư quỹ vào những nước có nền kinh tế phát triển, vừa thu lợi nhuận cao, vừa tránh được rủi ro trong nước.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com